

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1268/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Thọ
2. Bà Trần Thị Phối

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 984/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1987; cư trú tại: tổ B, khu phố F, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1990; cư trú tại: A T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện kết hôn vào ngày 31/12/2016 tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn có tìm hiểu một thời gian. Kể từ ngày chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không được. Đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng đến nay cũng không còn nên nay anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung tên Lê Trúc N1, sinh ngày 23/01/2018, hiện sức khỏe con vẫn bình thường, cùng chị N. Ly hôn anh đồng ý

giao con chung cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của anh Tở trên về thời gian, điều kiện kết hôn và về nguyên nhân mâu thuẫn. Kể từ ngày chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hàn gắn nhưng không được. Đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Nay chị cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, tình cảm, trách nhiệm vợ chồng đến nay cũng không còn, đời sống hôn nhân không đạt được, nhưng vì tính ngưỡng bên chị nên anh T yêu cầu ly hôn chị không đồng ý, chị đề nghị Tòa giải quyết theo quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Trúc N1, sinh ngày 23/01/2018, hiện sức khỏe con vẫn bình thường, sống cùng chị. Nếu Tòa cho ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T giao quyền quyết định về con cho chị và chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N. Giao cháu Lê Trúc N1, sinh ngày 23/01/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại A T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân

sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Văn T1** và chị **Nguyễn Thị Hồng N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 31/12/2016 tại **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định** nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc thời gian dài đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt không thể tự giải quyết được, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cũng nhiều lần anh chị tự hằn gấn nhưng không có hạnh phúc nên anh chị sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh **T1** yêu cầu ly hôn chị **N**, chị **N** không đồng ý ly hôn, trong quá trình giải quyết Tòa tiến hành hòa giải nhưng anh chị không thể hàn gắn được. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp với việc Tòa xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương. Nên anh **T1** yêu cầu ly hôn chị **N** là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được qui định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung tên **Lê Trúc N1**, sinh ngày 23/01/2018. Sức khỏe con bình thường, sống cùng chị **N**.

- Việc nuôi dưỡng con chung: Chị **N** yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung được anh **T1** đồng ý. Do đó HĐXX giao con chung cho chị **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** yêu cầu anh **T1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, được anh **T1** đồng ý và phù hợp theo quy định Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Anh **T1**, chị **N** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Anh **Lê Văn T** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh **Lê Văn T** được ly hôn chị **Nguyễn Thị Hồng N**.

2. Về con chung: Anh **T**, chị **N** có một con chung tên **Lê Trúc N1**, sinh ngày 23/01/2018. Hiện sức khỏe con bình thường, sống cùng chị **N**.

-Việc nuôi dưỡng con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trúc N1.

- Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Trúc N1 mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000711 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh Lê Văn T còn phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND tỉnh Bình Định; **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-**VKSND TP . Quy Nhơn;**

-**Chi cục THADS TP . Quy Nhơn;**

- Các đương sự;

-Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Ngọc Dung